TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2021
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Huề

2. Bà Hoàng Thị Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lài - Cán bộ Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoài Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 819/2020/TLST-HNGD ngày 15/12/2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2020/QĐXX-ST ngày 24/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Lê Thanh V**; sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: 9H2 Tập thể X, phường Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 6 phố L, phường B, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* **Anh Đỗ Ngọc Q**; sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: số 3 phố Đ, phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; nơi cư trú trước khi bị bắt: số A, phố L, phường T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; hiện đang chấp hành án tại Trại giam V, tỉnh P; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn xin ly hôn, các Bản tự khai, Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn là chị Lê Thanh V trình bày:

Chị và anh Đỗ Ngọc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 14/10/2014 tại Uỷ ban nhân dân phường Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn anh chị chung sống nhiều nơi khác nhau nhưng từ năm 2015, anh chị ở tại địa chỉ: số A, phố L, phường T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận nhưng đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống khác nhau nên giữa hai bên thường nảy sinh những bất đồng, khiến cho vợ chồng không có sự đồng cảm, yêu thương, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Cùng năm 2019, anh Q bị bắt về tội Gây rối trật tự công cộng và hiện nay đang thi hành án tại Trại giam V, tỉnh P. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh Q có một con chung là cháu Đỗ An H, sinh ngày 16/01/2014. Anh Q và cháu H đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số 3 phố Đ, phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội nhưng anh chị và cháu sinh sống thường xuyên tại số A, phố L, phường T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội từ năm 2015 cho đến thời điểm anh Q bị bắt (năm 2019). Sau khi anh Q bị bắt, mẹ con chị V về sinh sống tại địa chỉ: Số 6 phố L, phường B, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cho đến nay. Cháu H do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện cháu khỏe mạnh, được đi học đầy đủ và phát triển bình thường về mọi mặt. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu vì theo chị, anh Q đang chấp hành án trong Trại giam thì không thể có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục được cháu. Hiện nay chị có thu nhập và chỗ ở ổn định nên chị hoàn toàn có đủ điều kiện nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị xác nhận chị và anh Q không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Toà giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị xác nhận chị và anh Q không cho ai vay nợ và cũng không vay nợ ai nên chị không yêu cầu Toà giải quyết.

[2] Bị đơn là anh Đỗ Ngọc Q hiện đang thi hành án tại Trại giam V, tỉnh P. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hợp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên hợp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Đỗ Ngọc Q tại Trại giam V để anh trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh V. Tại bản tự khai ngày 24/12/2020, anh Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thanh V kết hôn tự nguyện và có

đăng ký kết hôn ngày 14/10/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Trước khi kết hôn anh chị chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn anh chị chung sống nhiều nơi khác nhau nhưng từ năm 2015 cho đến ngày anh bị bắt về tội gấy rối trật tự công cộng (ngày 03/10/2019), anh chị ở tại số A, phố L, phường T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống khác nhau. Hiện anh đang thi hành án tại Trại giam V, tỉnh P. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V có đơn xin ly hôn, anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết sớm để anh và chị V ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị V có một con chung là cháu Đỗ An H, sinh ngày 16/01/2014. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và anh xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung gồm động sản và bất động sản: Anh không yêu cầu Toà giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh xác nhận anh và chị V không có vay nợ chung và không yêu cầu Toà giải quyết.

Ngoài ra anh Đỗ Ngọc Q có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo đơn này anh xác nhận đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do anh đang thi hành án tại Trại giam V, nên xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và xét xử của Tòa án. Anh đồng ý ly hôn và để chị V nuôi con. Đơn trên của anh Q có xác nhận của Trại giam V.

Tại phiên toà hôm nay, chị Lê Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên và trình bày bổ sung: Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay chị đang làm công việc bán hàng trên mạng, có thu nhập trung bình 15.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, nên chị hoàn toàn có thể nuôi dưỡng chăm sóc tốt cho cháu H. Do điều kiện anh Q đang chấp hành án, nên chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* *Về việc giải quyết vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ ngày 14/10/2014, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị V thấy: Anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống khác nhau, dẫn đến nảy sinh bất đồng. Năm 2019 anh Q bị bắt về tội gây rối trật tự công cộng và đi chấp hành án trong trại giam từ đó cho đến nay, một mình chị V phải chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không duy trì, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, tốt đẹp đã không thể thực hiện được. Nay chị V muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống và bản thân anh Q cũng đồng ý ly hôn, do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị V. Về con chung: Anh chị có một con chung, hiện đang ở cùng với mẹ. Chị V có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy chị V hiện có công việc và thu nhập ổn định, anh Q đang thi hành án trong trại giam nên việc giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Về cấp dưỡng nuôi con, chị V không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Q và chị V đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V, chị V được ly hôn với anh Q. Về con chung: Giao con chung cho chị V nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q. Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh chị đều xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không xét. Về án phí: Chị V là nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Biên bản xác minh về nơi cư trú của Công an phường T thể hiện: Anh Đỗ Ngọc Q sống tại địa chỉ số A, phố L, phường T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội từ năm 2015 cho đến ngày 03/10/2019 thì bị bắt về tội Gây rối trật tự công cộng. Hiện nay anh Q đang đi thi hành án tại Trại giam V, tỉnh P. Như vậy, có căn cứ xác định địa chỉ: số A, phố L, phường T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là nơi cư trú của anh Đỗ Ngọc Q trước khi anh bị bắt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thanh V đối với anh Đỗ Ngọc Q thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Xác định chị V và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2019 anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống khác nhau nên giữa hai bên thường nảy sinh những bất đồng, vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Năm 2019, anh bị bắt về tội Gây rối trật tự công cộng và hiện đang chấp hành án tại Trại giam V, tỉnh P. Trong thời gian anh Q vắng nhà, chị V một mình chăm lo gia đình, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền phường T thể hiện: Ngày 03/10/2019, anh Q bị bắt về tội gây rối trật tự công cộng. Trước khi anh Q bị bắt, anh Q, chị V cùng con sinh sống tại địa chỉ: số A, phố L, phường T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Chị V có đơn xin ly hôn anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh chị có một con chung là cháu Đỗ An H, sinh ngày 16/01/2014. Khi ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng do anh Q đang phải đi thi hành án. Về tài sản chung, nhà ở chung của anh chị, chính quyền không biết rõ.

Xét thấy: chị V và anh Q đã không sống chung từ năm 2019 đến nay, không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Tại các bản tự khai, chị V và anh Q cùng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và anh Q đồng ý với yêu cầu xin ly của chị V. Như vậy, đủ cơ sở thấy tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Vân, giải quyết cho chị V được ly hôn anh Q .

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Đỗ An H, sinh ngày 16/01/2014. Hiện cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường về mọi mặt và đang đi học tiểu học. Tính đến thời điểm Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử (ngày 24/12/2020) cháu H chưa đủ 7 tuổi nên không thuộc trường hợp phải lấy ý kiến về nguyện vọng của cháu. Xét thấy từ trước đến nay, cháu vẫn ở với chị V và do chị V vẫn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị V có nguyện

vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu, chị có công việc và chỗ ở ổn định. Anh Q đang trong trại giam và đồng ý để chị V trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc giao cháu H cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự và bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt của cháu. Vì vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án giao cháu Đỗ An H cho chị Lê Thanh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi anh Q và chị V ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị V không yêu cầu anh Q cấp dưỡng và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q cho đến khi chị V có yêu cầu khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nhà đất chung và vay nợ chung: Anh Q và chị V cùng xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: chị V là nguyên đơn, phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thanh V đối với anh Đỗ Ngọc Q. Chị Lê Thanh V được ly hôn anh Đỗ Ngọc Q.

2. Về con chung:

Xác định chị Lê Thanh V và anh Đỗ Ngọc Q có một con chung là cháu Đỗ An H, sinh ngày 16/01/2014. Hiện nay cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Giao cháu Đỗ An H cho chị Lê Thanh V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi chị Lê Thanh V và anh Đỗ Ngọc Q ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác về quyền nuôi

con.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Đỗ Ngọc Q cho đến khi chị Lê Thanh V có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Đỗ Ngọc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung gồm động sản và bất động sản: chị Lê Thanh V và anh Đỗ Ngọc Q cùng xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về vay nợ chung: chị Lê Thanh V và anh Đỗ Ngọc Q cùng xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thanh V phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 003837 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt chị Vân, anh Q xin vắng mặt. Chị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**** Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Đ
(ĐKKH số 56, quyển 01/2014 ngày 14/10/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phương Thủy